



BSC WEEKLY REVIEW

Tuần 26 (26/06-30/06/23)

VN-Index hướng về ngưỡng cản tiếp theo tại 1,150

BÌNH CHỌN CHO BSC TẠI ASIAMONEY BROKERS POLL 2023

Kính gửi quý khách hàng và đối tác,

CTCP Chứng khoán BIDV (BSC) đang tham gia cuộc bình chọn **Asiamoney Brokers Poll 2023**, một giải thưởng dành cho các nhà môi giới và các nhà phân tích nghiên cứu hàng đầu trong khu vực.

Là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên của Việt Nam, trong suốt hành trình hơn 20 năm, BSC luôn tự hào mang đến cho quý khách hàng những báo cáo, tư vấn, ý tưởng có giá trị tham kham khảo cao. Vì vậy, BSC hy vọng nhận được sự ủng hộ của quý khách hàng trong cuộc bình chọn này.

Quý khách vui lòng tham gia bình chọn theo các bước sau:

Bước 1: Quý khách truy cập trang web: <https://asiamoney.com/brokers>.

Bước 2: Quý khách chọn ngôn ngữ, bao gồm tiếng Anh, tiếng Trung phồn thể, tiếng Trung giản thể.

Bước 3: Quý khách thực hiện các bước tiếp theo theo yêu cầu.

Lưu ý: Khảo sát sẽ đóng sau ngày 28/06/2023.

BSC rất trân trọng nếu quý khách có thể dành chút thời gian để bình chọn. Nếu quý khách có bất kỳ câu hỏi nào về việc điền khảo sát hoặc đầu tư tại Việt Nam, xin vui lòng liên hệ trực tiếp với chúng tôi qua website:

<https://www.bsc.com.vn/ho-tro/lien-he>

BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *VN-Index hướng về ngưỡng cản tiếp theo tại 1,150 điểm*

2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV không bơm/hút trong tuần*

3. PTKT VN-INDEX: *Vượt qua đỉnh ngắn hạn, VN-Index vận động hướng tới 1,150 điểm*

4. TIN VĨ MÔ: *Maybank: Kinh tế Việt Nam dự kiến tăng trưởng 4.2% trong 2023*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Tài nguyên Cơ bản +7.08%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: VN-Index hướng về ngưỡng cản tiếp theo tại 1,150 điểm

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1129.38	1.27%
GTGD/phiên (tỷ VND)	14,402.92	-6.07%
Khối ngoại (tỷ VND)	-917.81	
HNX-INDEX	231.54	1.36%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1,768.11	-2.37%
Khối ngoại (tỷ VND)	-17.82	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4348.33	-0.77%	-1.39%	3.40%
EU (EURO STOXX)	4271.61	-0.76%	-2.80%	-1.12%
China (SHCOMP)	3197.901	0.00%	-2.30%	-0.73%
Japan (NIKKEI)	32781.54	-1.45%	-2.74%	4.96%
Korea (KOSPI)	2570.1	-0.91%	-2.12%	0.44%
Singapore (STI)	3191.6	-0.96%	-2.10%	-0.11%
Thailand (SET)	1505.52	-0.25%	-3.45%	-2.30%
Phillipines (PCOMP)	6393.55	-0.18%	-1.76%	-3.03%
Malaysia (KLCI)	1390.89	-0.27%	0.16%	-1.00%
Indonesia (JCI)	6639.733	-0.19%	-0.88%	-0.62%
Vietnam (VNIndex)	1129.38	0.36%	1.27%	5.06%

TTCK VIỆT NAM

Cổ phiếu lớn nâng đỡ, VN-Index vượt qua đỉnh ngắn hạn trong năm 2023

Với mức tăng 1.5%, VN-Index duy trì chuỗi 4 tuần tăng điểm liên tiếp. Độ phân hóa mở rộng với 58% cổ phiếu và 9/19 ngành tăng điểm. Vai trò nâng đỡ chỉ số chuyển từ các cổ phiếu lớn VCB, VIC sang HPG, VNM và VPB. Vận động giá và thanh khoản ổn định tạo điều kiện cho dòng tiền tiếp tục luân chuyển. Các ngành tăng tốt như ngành dầu khí, hóa chất, công nghệ điều chỉnh thì các ngành chưa tăng tài nguyên cơ bản, thực phẩm đồ uống và du lịch và giải trí lại tăng tốt. Diễn biến này khá phù hợp trước mùa công bố KQKD và đang đẩy chỉ số lên các ngưỡng kháng cự tiếp theo tại 1,150 và 1,200 điểm. NĐT dù vậy cần nhắc cơ cấu danh mục trong những phiên tăng điểm và chuyển dịch sang nhóm cổ phiếu được dự báo có KQKD quý II tích cực.

Nhiều dự án cao tốc lớn đồng loạt triển khai trong tháng 6/2023. Ngày 18/6, Thủ tướng tham gia khởi công Vành đai 3 TP HCM, cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột và nhận định mục tiêu thông tuyến cao tốc Bắc – Nam là khả thi. Ngày 25/6, Thủ tướng dự kiến khởi công dự án vành đai 4 vùng thủ đô. Tất cả các dự án lớn đều được động thổ đồng loạt cho thấy sự khẩn trương các tỉnh thành và cơ quan tham gia dự án. Chuyển biến này đang bám theo định hướng lớn của Chính phủ năm 2023 gồm cân bằng hợp lý lạm phát và tăng trưởng, lãi suất và tỷ giá; thúc đẩy tăng trưởng cả phía cung và cầu; xử lý kiến nghị liên quan sản xuất, đầu tư công, xây dựng hạ tầng và xuất khẩu và thúc đẩy mạnh mẽ giải ngân đầu tư công.

TTCK THẾ GIỚI

Các thị trường chi phối bởi nhận định của chủ tịch FED

Nhận định mới của chủ tịch FED về lạm phát đã làm hạ nhiệt TTCK Hoa Kỳ. Các chỉ số CK Hoa Kỳ giảm 3 phiên liên tiếp trước khi hồi nhẹ qua đó ghi nhận mức giảm bình quân trên 1%. Diễn biến tiêu cực cũng ghi nhận ở hầu hết các thị trường chủ chốt. Chỉ số EU600 giảm 2.9%, chỉ số CK Đức và Pháp giảm trên 3% trong khi chỉ số CK Nhật giảm 2.7% chấm dứt chuỗi tăng điểm mạnh trong nhiều tuần. Chỉ số DXY hồi phục lại 0.7% không chỉ ảnh hưởng TTCK mà cả thị trường hàng hóa. Chỉ số hàng hóa giảm 0.3%, trong đó các kim loại quý giảm trên 2%, Bạc giảm 7.4%; năng lượng cũng có mức giảm bình quân 6%. Nhìn chung các thị trường ảnh hưởng bởi nhận định của FED và sẽ hướng đến quan tâm chỉ số CPI công bố tại một số nước.

Chủ tịch FED trong buổi điều trần Hạ viện cho biết FED có thể phải tiếp tục tăng lãi suất để kiểm soát lạm phát. Lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn còn cao hơn nhiều so với mục tiêu 2% của FED. Gần như toàn bộ thành viên FOMC nhận định sẽ là thích hợp nếu tăng lãi suất vào cuối năm và dự báo nâng thêm 0.5% trong phần còn lại của năm 2023. FED giữ nguyên lãi suất, ECB tiếp tục tăng lãi suất thì NHTW Trung Quốc lại tiếp tục giảm lãi suất để kích thích kinh tế. PBoC giảm lãi suất cho vay kỳ hạn 1 năm và 5 năm xuống 0.1% lần lượt 3.55% và 4.2% lần đầu kể từ tháng 8/2022. Mức giảm không nhiều tuy nhiên truyền tải thông điệp đến thị trường cũng như hỗ trợ tăng trưởng và tạo việc làm ở Trung Quốc.

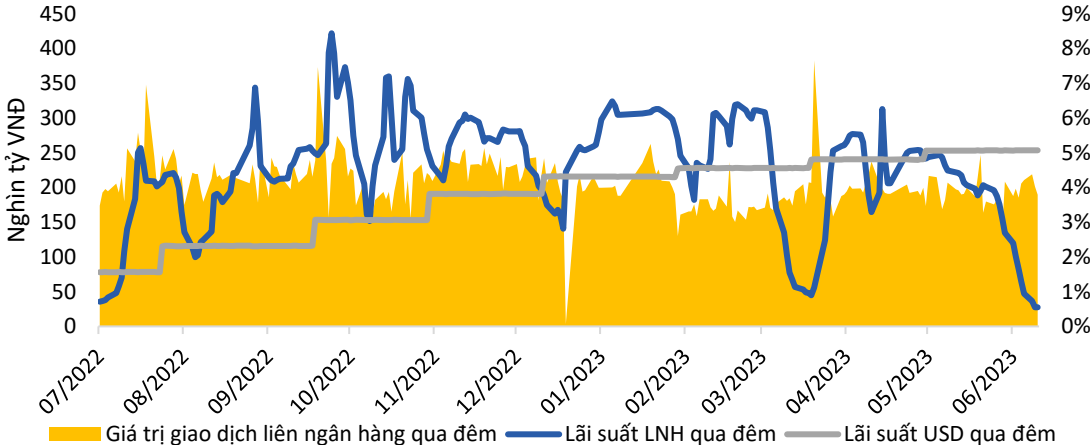
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 18	1/5/2023	5/5/2023	4,398.93	1,757.18	-2,641.75
Tuần 19	8/5/2023	12/5/2023	60,572.26	5,814.01	-54,758.25
Tuần 20	15/5/2023	19/5/2023	7,103.55	20,000.00	12,896.45
Tuần 21	22/5/2023	26/5/2023	753.48	49,547.41	48,793.93
Tuần 22	29/5/2023	1/6/2023	547.61	25,514.48	24,966.87
Tuần 23	6/5/2023	6/9/2023	1,354.88	16,900.00	15,545.12
Tuần 24	12/6/2023	16/6/2023	0.00	0.00	0.00
Tuần 25	19/6/2023	23/6/2023	0.00	0.00	0.00

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.61%	0.87%	1.43%	3.13%	4.99%	6.66%	8.01%
So với tuần trước	-1.05%	-0.98%	-0.71%	-0.60%	-0.36%	-0.62%	-0.21%
KLGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	203,295	10,319	13,519	1,286	2,370	463	33
So với tuần trước	2.92%	-22.95%	302.28%	-7.95%	-1.55%	16.98%	164.55%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 21/06/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 25, 0 nghìn tỷ đồng giá trị tín phiếu được phát hành, đồng thời SBV không thực hiện mua giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV không bơm/hút trong tuần. Lãi suất giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm tiếp tục giảm.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 0.61%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 203.30 nghìn tỷ VNĐ

PTKT VN-INDEX: Vượt qua đỉnh ngắn hạn, VN-Index vận động hướng tới 1,150 điểm

Đồ thị ngày: VN-Index hồi phục sau khi giảm về gần 1,100 điểm và bật nhanh kiểm tra đỉnh ngắn hạn với thanh khoản ở mức trung bình. Chỉ mất 1 phiên giằng co quanh đỉnh cũ tại 1,125 điểm, VN-Index tiếp tục vượt qua ngưỡng này với thanh khoản cải thiện nhẹ. Đường giá tiếp tục nằm dưới bollinger band trên trong khi RSI đã quay lại vùng quá mua đang tiếp tục ủng hộ cho đà tăng của chỉ số.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng mạnh từ mức 63 lên 71 điểm.
- MACD giữ trên đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản giảm nhẹ 6% so tuần trước.
- VN-Index vượt qua trên các đường SMA, giá bám dải bollingerband trên.

Nhận định: VN-Index vẫn giữ được nhịp tăng giá cùng với thanh khoản giao dịch cải thiện. Sau đà bùng nổ của các cổ phiếu vừa và nhỏ, các cổ phiếu lớn vận động luân phiên giữ nhịp và đẩy chỉ số tăng dần. Thanh khoản duy trì tích cực và tiếp tục đẩy chỉ số lên các vùng kháng cự tiếp theo lần lượt tại 1,150 và 1,200 điểm.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: *Maybank: Kinh tế Việt Nam dự kiến tăng trưởng 4.2% trong 2023*

VIỆT NAM:

- Chính phủ: Ban hành Nghị định số 36/2023/NĐ-CP về gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước. Thời gian gia hạn tối đa đến hết ngày 20/11/2023.
- Thủ tướng Chính phủ: Ký ban hành Công điện về việc tháo gỡ các khó khăn vướng mắc liên quan đến khai thác, cung ứng vật liệu xây dựng thông thường cho Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025.
- NHNN: Nêu 4 định hướng điều hành chính sách tiền tệ nửa cuối năm: đảm bảo thanh khoản (ng nghiệp vụ thị trường mở, cho vay tái cấp vốn, tỷ lệ dự trữ bắt buộc); thúc đẩy hạ mặt bằng lãi suất; điều hành tỷ giá linh hoạt; thúc đẩy tăng trưởng tín dụng hợp lý.
- Phó Thống đốc NHNN : Đến 15/06, tăng trưởng tín dụng toàn nền kinh tế đạt 3.36%.
- Các ngân hàng đồng loạt giảm lãi suất huy động sau khi NHNN giảm lãi suất điều hành 0.5%.
- Bộ Tài chính: trình Chính phủ nghị định giảm 50% lệ phí trước bạ cho ô tô trong nước để góp phần kích thích tiêu dùng, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước. Nếu được thông qua, Nghị định sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023.
- VASEP: Xuất khẩu thủy sản 5T2023 thấp hơn 29% so với cùng kỳ năm 2022. Tuy nhiên, nếu tính riêng trong tháng 5, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt trên 808 triệu USD, cao nhất từ đầu năm tới nay.
- Vitas: Ngành dệt may tiếp tục đối mặt tình trạng thiếu đơn hàng.
- Kỳ điều hành 21/06/2023: Giá xăng giữ nguyên, dầu tăng giảm tùy loại.
- Bộ Giao thông vận tải: Lên kế hoạch xây mới cảng hàng không Phan Thiết (tỉnh Bình Thuận) và Cảng hàng không Quảng Trị (tỉnh Quảng Trị).
- Maybank: Kinh tế Việt Nam dự kiến tăng trưởng 4.2% trong năm 2023.

THẾ GIỚI:

- FED: Còn một chặng đường dài để đưa lạm phát Hoa Kỳ về 2%.
- Hoa Kỳ: Trong tuần kết thúc vào ngày 17/06/2023, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu ghi nhận 264 nghìn, cao hơn 260 nghìn dự kiến.
- Hoa Kỳ: Đơn xin thế chấp MBA tuần kết thúc ngày 16/06/2023 +0.5%.
- Anh: CPI và CPI cơ bản tháng 5/2023 lần lượt đạt +8.7% YoY (dự kiến: +8.4% YoY) và +7.1% YoY (dự kiến: +6.8% YoY). Con số của tháng 4/2023 lần lượt là +8.7% YoY và +6.8% YoY.
- Anh: Nợ ròng lĩnh vực công vượt mức 100% GDP lần đầu tiên kể từ năm 1961.
- Anh: BoE đã nâng lãi suất thêm 0.5 điểm phần trăm. Đây là lần nâng lãi suất thứ 13 liên tiếp của ngân hàng trung ương này.
- Trung Quốc: PBoC hạ lãi suất cho vay kỳ hạn 1 năm (LPR) từ 3.65% xuống 3.55%, trong khi kỳ hạn 5 năm cũng giảm từ 4.3% xuống 4.2%.
- Eurozone: Số dư tài khoản vãng lai tháng 4/2023 của Eurozone thặng dư 4 tỷ euro (tháng trước: 31.2 tỷ euro). Nguyên nhân sụt giảm thặng dư đến từ thặng dư hàng hóa ghi nhận 16 tỷ euro (tháng trước: 25 tỷ euro).
- Nhật: CPI và CPI lõi tháng 5/2023 lần lượt đạt +3.2% YoY (dự kiến: +4.1% YoY) và +4.3% YoY (dự kiến: +4.4% YoY).
- Úc: PMI sản xuất: 48.6 điểm; PMI dịch vụ: 50.7 điểm (dữ liệu tháng 6/2023).

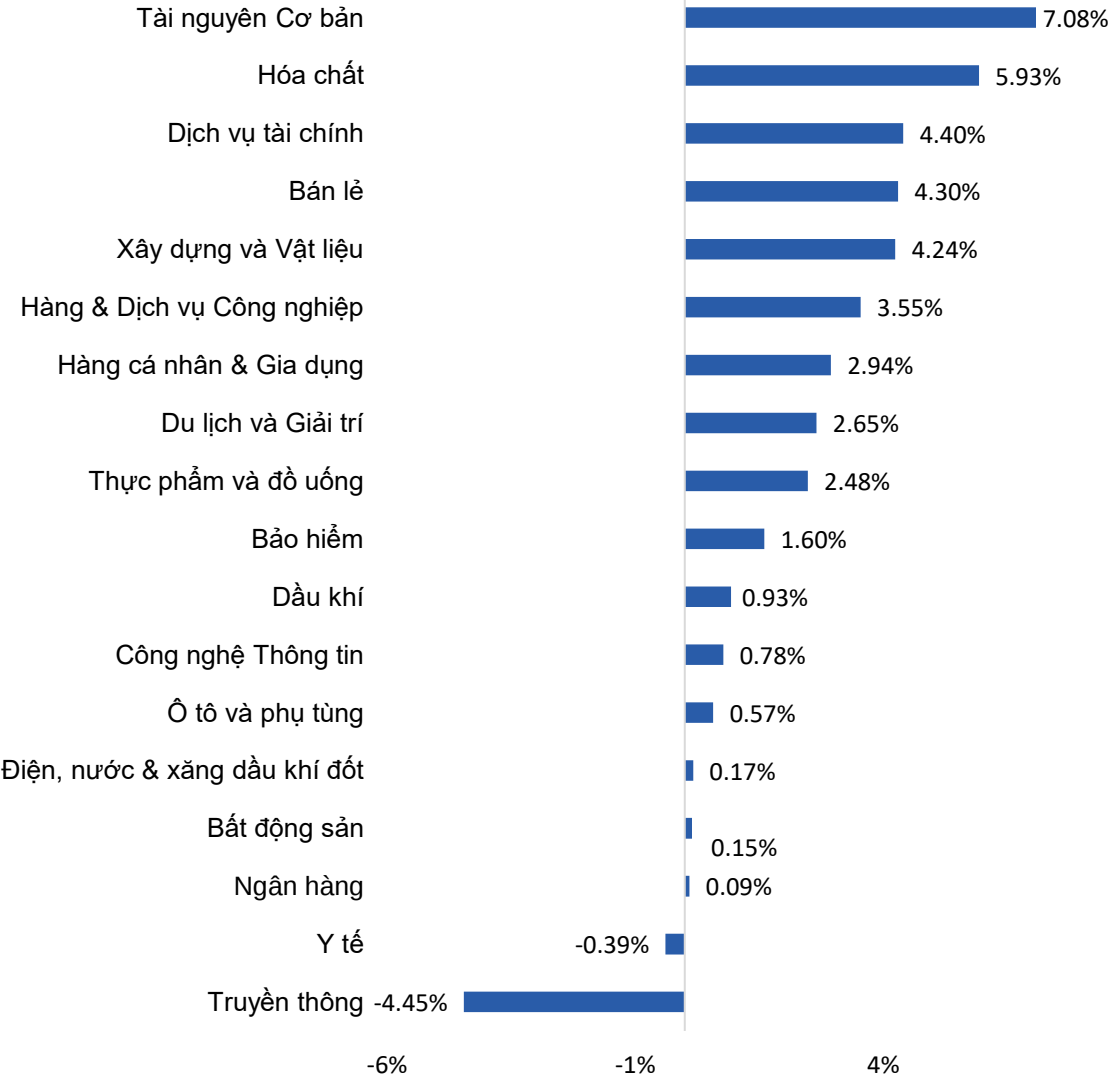
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Dòng tiền vận động tích cực trước mùa công bố KQKD quý II;
- Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 6/2023;
- 27/6, CPI Canada; Đơn đặt hàng hóa lâu bền, doanh thu nhà xây mới và chỉ số niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ. 28/6, CPI Australia; Cán cân thương mại và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 29/6, CPI và doanh thu bán lẻ Nhật Bản; GDP EU công bố lần cuối và đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 30/6, PMI Trung Quốc; CPI EU; GDP Canada.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Tài nguyên Cơ bản	1.79%	7.08%	15.81%	HPG	6.02%	
Hóa chất	-1.09%	5.93%	15.57%	DRC	-1.90%	DGC 12.08%
Dịch vụ tài chính	0.20%	4.40%	15.88%	SSI	4.77%	HCM -1.13%
Bán lẻ	-0.22%	4.30%	13.60%	MWG	1.47%	PNJ -0.54%
Xây dựng và Vật liệu	-0.07%	4.24%	10.98%	CTD	4.56%	HT1 -0.33%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	69.16	-0.50%	-3.65%	-4.83%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	73.85	-0.39%	-3.60%	-4.07%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	251.72	-1.29%	-6.09%	-2.86%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1921.2	0.38%	-1.88%	-1.30%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	22.428	0.82%	-7.32%	-3.75%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1310	-2.20%	-2.40%	10.13%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	746.5	-0.83%	6.41%	18.59%		AFX
Sữa	USD/cwt	15.35	0.39%	0.26%	-7.42%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	206	-0.24%	-2.51%	-1.67%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	24.29	-2.72%	-6.90%	-3.38%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	164.85	-3.17%	-8.80%	-8.19%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8390.5	-2.14%	-2.05%	3.14%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	3713	0.00%	-1.77%	7.72%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2174.5	-1.20%	-4.25%	-2.82%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	800.5	0.00%	-1.23%	16.78%		HPG
Than đá	USD/MT	140.85	-0.46%	3.83%	1.08%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	3807	0.00%	-1.91%	6.88%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG

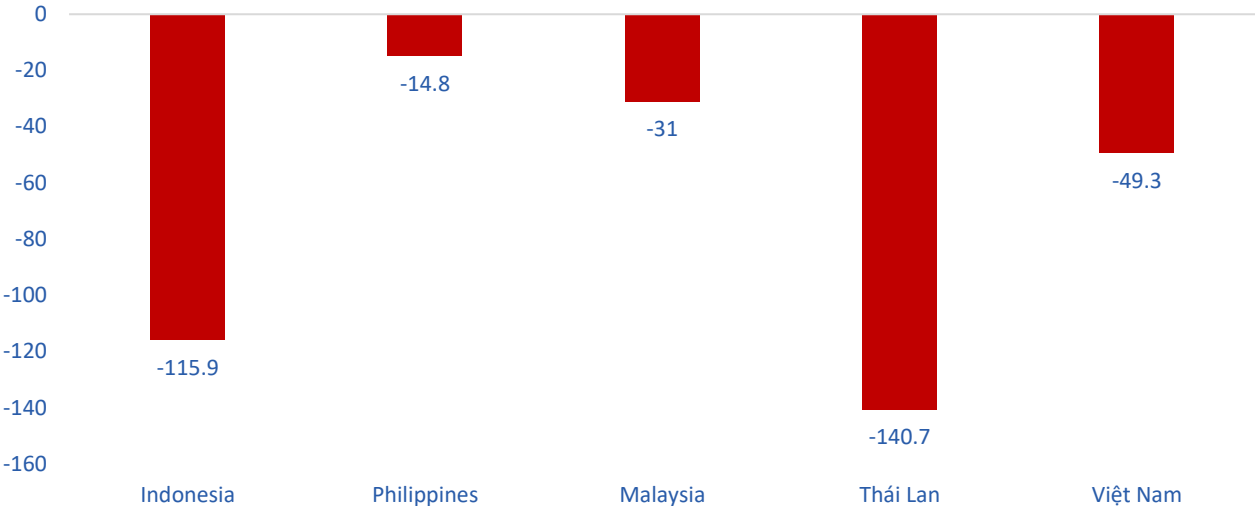


Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	(351.7)	(735.1)	(1,484.6)	(3,407.2)
Indonesia	-115.9	-305.6	632	1077.4
Philippines	-14.8	72.1	25.7	-492.6
Malaysia	-31	-193.3	-408.6	-831.5
Thái Lan	-140.7	-297.2	-1495.2	-3140.8
Việt Nam	-49.3	-11.1	-238.5	-19.7
Các nước khác	486.4	5,262.4	18,578.4	29,536.4
Hàn Quốc	-1205.5	-586.2	3144.2	8613.8
Đài Loan	-23.6	2588.7	5240.9	13211
Ấn Độ	1715.1	3262.9	10194.1	7711.6
Sri Lanka	0.4	-3	-0.8	0

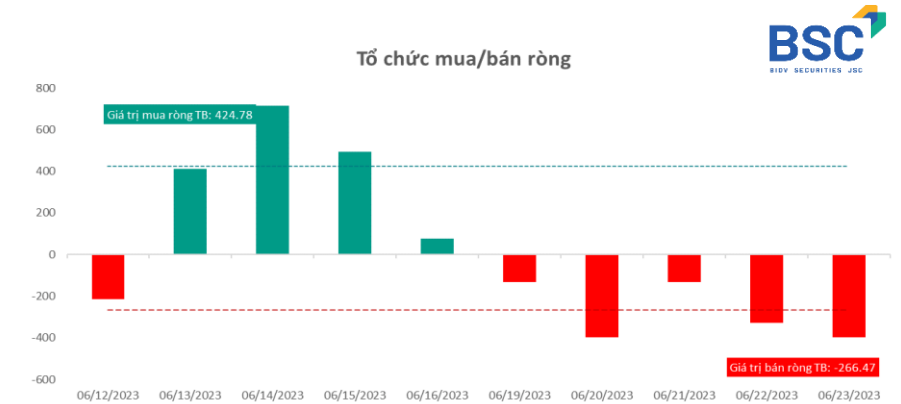
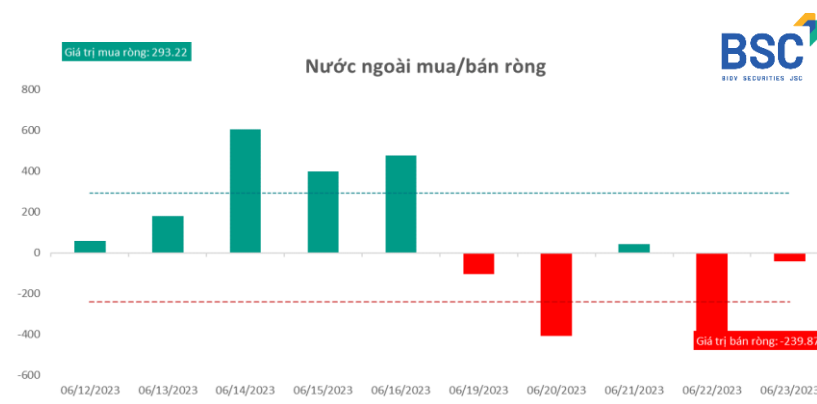
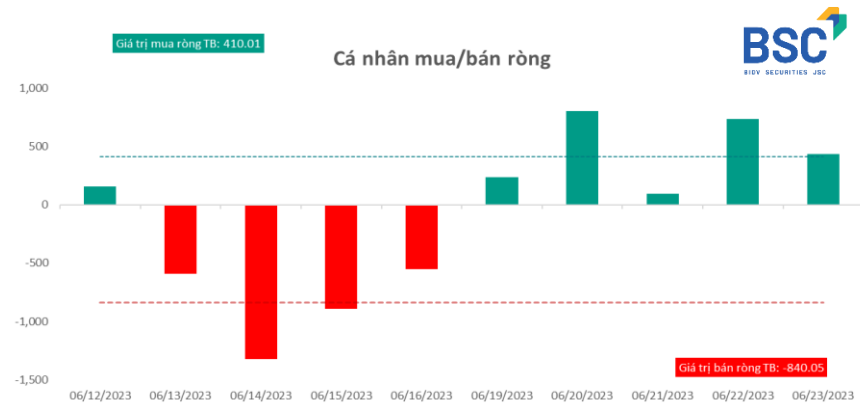


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Feb-23			Mar-23					Apr-23				May-23					Jun-23				
	W5	W6	W7	W8	W9	W10	W11	W12	W13	W14	W15	W16	W17	W18	W19	W20	W21	W22	W23	W24	W25	Tổng
	65.02	15.39	4.01	(9.31)	(5.97)	7.24	16.43	30.15	16.53	3.86	(5.40)	(0.51)	(30.73)	(31.16)	(16.97)	(5.24)	(14.32)	(25.56)	(2.27)	12.39	4.28	277.30
ETF ngoại	46.77	15.39	(1.69)	(7.95)	5.38	8.24	24.01	35.68	20.38	4.16	0.89	0.10	(23.28)	(31.16)	(8.27)	-	(2.98)	(16.63)	2.70	5.39	(11.62)	266.57
Fubon	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	17.81	32.21	14.88	(0.94)	0.18	3.86	0.73	0.36	1.10	0.00	0.00	0.00	(0.19)	(0.58)	0.00	70.90
VNM	3.11	0.00	0.59	0.00	1.15	4.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.85)	(4.82)	(18.46)	(1.20)	(4.26)	0.00	0.00	0.01	5.22	2.65	1.34	72.97
FTSE	4.33	8.90	10.47	0.90	4.23	4.24	-	(3.89)	0.52	-	2.56	1.06	0.77	0.00	0.00	0.00	0.79	0.00	1.52	3.32	0.00	63.01
iShare	39.33	6.49	(12.75)	(8.85)	-	-	6.20	7.36	4.98	5.10	0.00	0.00	(6.32)	(30.32)	(5.11)	0.00	(3.77)	(16.64)	(3.85)	0.00	(12.96)	59.69
ETF nội	18.25	-	5.70	(1.36)	(11.35)	(1.00)	(7.58)	(5.53)	(3.85)	(0.30)	(6.29)	(0.61)	(7.45)	-	(8.70)	(5.24)	(11.34)	(8.93)	(4.97)	7.00	15.90	10.73
Diamond	14.87	-	-	-	(5.89)	(1.10)	(2.74)	(3.00)	(3.00)	(0.10)	(6.16)	(0.29)	(5.00)	-	(1.89)	(3.14)	(4.20)	(7.94)	(3.50)	5.80	14.10	3.74
E1	3.38	-	5.70	(1.55)	(4.07)	0.82	(4.06)	(1.10)	0.50	(0.55)	0.08	0.08	(1.51)	-	(6.88)	(2.10)	(6.44)	(0.78)	(3.54)	1.94	0.24	5.16
Finlead	-	-	-	0.19	(1.39)	(0.72)	(0.78)	(1.43)	(1.35)	0.35	(0.21)	(0.40)	(0.94)	-	0.07	-	(0.70)	(0.21)	2.07	(0.74)	1.56	1.83

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
VIX	4,012,433	44.14	FUEVFN30	9,833,500	-233.32	HPG	18,277,800	449.50	VHM	9,688,000	-527.59	NVL	47,234,677	675.92	HPG	23,242,482	-565.28
E1VFN30	1,601,700	30.20	HPG	5,069,027	-122.86	FUEVFN30	7,584,300	179.97	NVL	26,483,600	-377.20	VHM	8,857,076	481.73	VSC	4,008,861	-132.56
BCM	349,360	27.67	CTG	2,709,181	-79.07	VCI	2,810,700	102.99	VNM	4,728,300	-310.70	SSB	10,725,054	326.85	KBC	4,583,133	-132.23
OCB	1,256,700	21.68	VPB	3,457,614	-68.05	STB	3,469,700	102.54	VCB	1,770,400	-179.24	VNM	4,518,785	296.50	SSI	4,448,246	-118.34
ACB	1,041,600	21.29	STB	2,069,927	-60.12	FRT	1,545,900	101.33	TPB	8,581,300	-158.19	CII	14,603,107	265.40	VCI	2,833,056	-103.83
FIR	529,100	20.07	FUEKIVFS	5,020,400	-49.85	HDG	1,704,400	65.32	VPB	7,946,400	-157.93	VPB	12,178,413	241.73	DXG	6,672,076	-103.36
DBC	731,400	15.34	FUESSVFL	2,604,400	-46.35	DXG	3,250,400	49.50	VRE	3,630,900	-97.27	TPB	8,357,234	154.22	FRT	1,485,841	-97.45
TDP	500,000	14.50	MWG	937,401	-40.00	FUEKIVFS	4,979,600	49.42	BIC	3,167,700	-91.34	HDB	7,888,255	145.56	HHV	6,492,987	-93.34
VIB	732,096	14.39	VIC	769,101	-39.93	SSI	1,802,500	48.77	NLG	2,633,000	-91.30	VCB	1,282,716	128.79	PVD	2,692,961	-66.22
PVD	402,331	10.06	VHM	610,300	-33.53	PAN	2,178,000	41.75	BID	2,070,500	-90.39	VIC	2,218,818	115.46	SBT	3,529,564	-56.21

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	99.9	-0.50%	1.10	20,114.00	3.00	7,311.00	13.66	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	44.3	0.80%	0.90	9,534.00	3.60	4,208.00	10.53	54,578	17.20%	Link
VPB	Ngân hàng	20.2	3.10%	1.10	5,769.00	36.40	-			17.60%	Link
TCB	Ngân hàng	32.9	0.90%	1.60	4,923.00	5.80	-			22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	20.2	1.50%	1.50	3,896.00	10.60	4,640.00	4.35	26,000	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	30.3	1.00%	1.20	2,430.00	21.80	4,603.00	6.58	24,600	26.50%	Link
GVR	BĐS KCN	19	-1.80%	1.90	3,233.00	2.70	4,880.00	3.89	31,200	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	29	-0.30%	1.70	947.00	10.90				20.40%	Link
IDC	BĐS KCN	43.2	-1.40%	1.70	606.00	5.40	1,217.00		19,100	10.70%	Link
VGC	BĐS KCN	44.4	-1.70%	1.80	847.00	3.80	1,916.00	23.17	25,000	5.00%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	25.4	2.20%	2.10	6,284.00	31.50	1,896.00	13.40	18,500	23.70%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	56	0.50%	1.00	10,374.00	5.10	5,227.00	10.71	68,300	24.30%	Link
VRE	BĐS	27	-0.60%	1.00	2,596.00	3.90	1,576.00	17.01	31,800	32.90%	Link
KDH	BĐS	31.6	1.00%	1.70	965.00	2.90	2,557.00	12.36	38,700	36.60%	Link
NLG	BĐS	34	-2.40%	1.60	556.00	5.10	14,120.00	2.41	42,000	45.10%	Link
DGC	Phân bón	65.3	-1.10%	1.80	1,055.00	9.50	6,793.00	9.61	122,300	16.00%	Link
DPM	Dầu khí	34.4	0.00%	1.10	572.00	4.50	2,625.00	13.10	42,000	18.30%	Link
DCM	Dầu khí	26.6	0.40%	1.30	599.00	5.70	2,292.00	11.61	18,400	10.70%	Link
GAS	Dầu khí	95.2	-0.40%	0.70	7,752.00	2.50	1,340.00	71.04	31,100	3.00%	Link
PLX	Dầu khí	37.5	-0.40%	0.90	2,027.00	1.10	2,929.00	12.80	24,300	17.80%	Link
PVS	Dầu khí	31.8	-3.90%	1.20	647.00	20.20	993.00	32.02	13,000	20.70%	Link
PVD	Dầu khí	24.2	-3.40%	1.30	571.00	14.20	7,698.00	3.14	85,000	22.10%	Link
POW	Tiện ích	13.7	-0.40%	1.00	1,365.00	3.10	3,895.00	3.52	87,600	7.80%	Link
VNM	Bán lẻ	69.1	3.30%	0.30	6,144.00	35.20	2,605.00	26.53	96,000	55.60%	Link
MSN	Bán lẻ	77.3	1.30%	1.20	4,682.00	5.30	3,456.00	22.37	55,200	30.30%	Link
MWG	Bán lẻ	42.9	-0.30%	1.70	2,670.00	3.90	7,475.00	5.74	95,000	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	75.8	1.70%	0.60	1,058.00	4.20	2,965.00	25.56	77,100	48.60%	Link
VHC	Thủy sản	64.9	2.00%	1.00	506.00	3.20	12,800.00	5.07	67,500	30.50%	Link
GMD	Logistics	52.7	1.70%	0.40	676.00	2.80	7,059.00	7.47	57,000	48.20%	Link
FPT	Công nghệ	85.1	-0.50%	0.70	3,998.00	3.00	5,901.00	14.42	91,900	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	29.2	-0.70%	1.20	5,980.00	6.20	3,520.27	8.24	1.30	28.10%	16.30%
ACB	Ngân hàng	21.9	1.20%	1.00	3,619.00	10.70	3,742.40	5.80	1.50	30.00%	26.30%
HDB	Ngân hàng	18.6	-0.30%	0.90	1,996.00	1.60	3,148.88	5.92	1.30	19.30%	23.90%
LPB	Ngân hàng	15.4	1.00%	1.30	1,129.00	11.10	2,732.22	5.36	1.10	4.90%	19.90%
VIB	Ngân hàng	20	1.00%	1.20	2,147.00	5.00	4,162.83	5.56	1.50	20.50%	30.00%
VND	Chứng khoán	19.7	0.30%	2.10	1,021.00	25.90	489.06	39.05	1.60	23.00%	4.80%
TPB	Ngân hàng	18.5	0.50%	1.00	1,733.00	4.80	2,895.37	6.27	1.30	30.00%	20.90%
SSI	chứng khoán	26	-0.40%	1.70	1,658.00	13.80	1,119.93	22.95	1.80	43.40%	7.90%
CII	Xây dựng	18.8	-1.00%	1.50	202.00	11.80	217.60	79.96	5.50	9.50%	3.00%
C4G	Xây dựng	13.8	-1.40%	1.90	-	2.20	790.73	16.31	1.70	0.00%	6.90%
CTD	Xây dựng	70	3.40%	2.00	222.00	3.70	183.95	359.87	0.60	49.10%	0.20%
HHV	Xây dựng	14.9	-0.30%	1.60	195.00	5.00	903.05	15.06	0.80	3.60%	3.90%
LCG	Xây dựng	14	-0.70%	2.00	111.00	6.50	780.72	16.65	1.00	3.50%	6.00%
BCM	KCN	80.6	-0.90%	0.80	3,549.00	1.20	1,170.44	68.35	4.70	2.80%	7.60%
HUT	KCN	20	0.00%	1.30	297.00	3.60	161.84	113.08	1.70	2.00%	1.30%
PHR	KCN	47.2	-1.80%	1.30	272.00	1.90	6,038.56	7.62	1.70	14.40%	24.40%
SZC	KCN	36.8	-1.20%	1.80	157.00	1.50	1,323.36	26.37	2.30	3.20%	9.00%
HSG	Vật liệu	17.4	-0.30%	2.40	441.00	13.90	(1,744.42)		1.00	17.10%	2.30%
HT1	Vật liệu	16.2	-0.30%	1.40	263.00	1.60	386.12	38.07	1.10	3.60%	3.00%
NKG	Vật liệu	18.2	2.80%	2.50	204.00	12.40	(2,585.96)		0.90	12.20%	13.50%
PTB	Vật liệu	48.2	-0.40%	1.10	140.00	1.10	6,016.80	7.97	1.20	13.60%	15.60%
KSB	Vật liệu	30	2.60%	1.60	97.00	6.00	1,392.77	19.03	1.00	8.90%	6.50%
NVL	BĐS	14.5	-1.00%	1.30	1,203.00	19.20	362.35	42.09	0.70	6.20%	1.90%
DXG	BĐS	15.8	-1.20%	2.60	410.00	11.70	(239.59)		0.60	20.50%	3.40%
HDC	BĐS	30	-1.00%	0.90	172.00	1.30	3,157.20	11.31	1.70	1.20%	20.60%
DIG	BĐS	22.8	-1.10%	2.30	592.00	21.30	261.72	78.52	1.70	6.00%	2.10%
IJC	BĐS	15.6	0.30%	2.10	168.00	2.40	1,661.89	8.85	0.90	5.90%	12.10%
BSR	Dầu khí	17.5	-2.20%	1.40	-	8.70	4,750.00	3.68	1.00	0.60%	29.60%
PVT	Dầu khí	21.2	-1.60%	0.90	293.00	3.00	2,740.01	7.68	0.80	18.10%	15.10%
PLC	Săm lốp	37.9	-1.60%	1.60	130.00	0.60	1,355.49	27.59	2.30	1.00%	9.40%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Tiện ích	20.6	-0.70%	1.20	104.00	0.30	2,246.06	8.93	1.30	8.40%	14.40%
REE	Tiện ích	62.9	-0.50%	0.90	1,094.00	2.30	6,714.22	9.20	1.30	49.00%	19.70%
GEX	Tiện ích	20.6	0.00%	1.80	746.00	21.00	9.99	1902.66	0.90	12.20%	4.20%
NT2	Tiện ích	32	-1.40%	0.60	391.00	0.60	3,244.99	9.92	2.00	16.00%	21.40%
HDG	Tiện ích	38.8	-1.60%	1.80	403.00	1.60	4,718.16	7.99	1.40	20.50%	22.80%
PC1	Tiện ích	28	0.00%	1.70	322.00	2.90	1,257.41	22.27	1.30	8.10%	6.20%
GEG	Tiện ích	16.6	-0.90%	1.10	273.00	0.80	955.97	16.89	1.10	46.40%	6.20%
BCG	Dầu khí	10	-2.00%	2.40	226.00	5.30	220.40	43.92	0.40	1.90%	0.30%
SAB	Bán lẻ	156.5	1.10%	0.00	4,270.00	1.30	7,649.00	20.79	4.00	62.60%	21.80%
QNS	Bán lẻ	48.2	-0.80%	0.40	-	2.80	4,226.00	10.65	2.20	19.30%	19.50%
FRT	Bán lẻ	67.8	2.00%	1.60	393.00	2.50	1,620.00	38.58	4.50	28.60%	11.80%
DGW	Bán lẻ	41	-1.70%	2.20	291.00	3.40	3,396.50	11.63	3.00	22.50%	24.70%
DBC	Bán lẻ	21	-0.90%	2.00	217.00	6.00	(1,339.12)		1.10	5.80%	3.20%
PET	Bán lẻ	27	-1.30%	2.50	114.00	0.80	1,025.57	25.89	1.40	1.50%	6.30%
BAF	Bán lẻ	23.2	-1.70%	1.10	142.00	2.20	1,408.62	16.58	1.90	0.20%	12.10%
ANV	Thủy sản	35.1	-1.10%	2.00	199.00	3.80	4,368.00	7.78	1.70	6.60%	20.80%
VSC	Logistics	35	4.80%	0.20	181.00	4.30	2,086.56	15.60	1.30	3.00%	10.70%
HAH	Logistics	44.2	-1.10%	1.30	132.00	3.00	9,072.47	4.80	1.00	9.20%	35.90%
CTR	Công nghệ	72.6	2.00%	1.50	353.00	0.90	4,040.07	17.90	4.80	11.00%	29.40%
TNG	Dệt may	18.6	-0.50%	1.70	90.00	1.30	2,665.32	7.02	1.30	13.90%	19.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisititc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

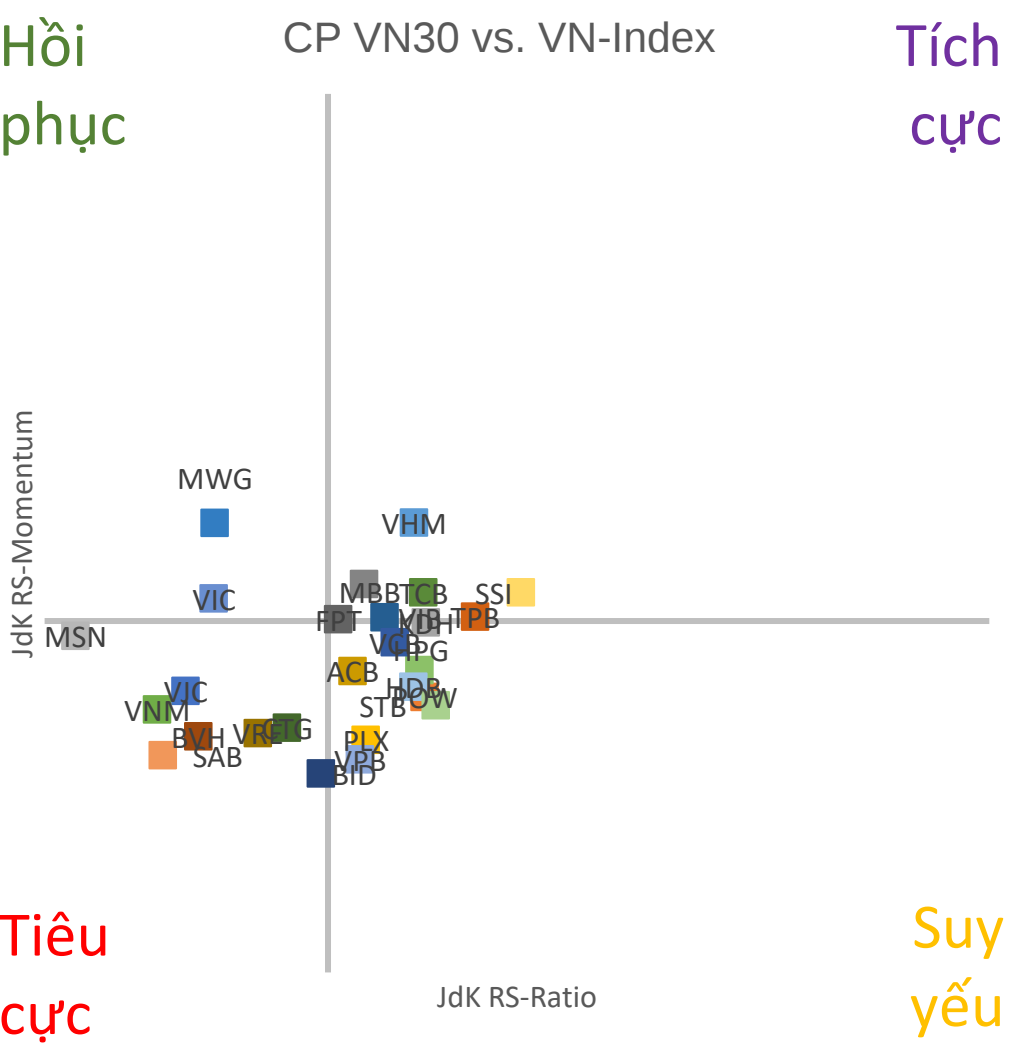
Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
HPG	8.32%	2.84
VNM	4.54%	1.57
GVR	6.74%	1.20
VPB	3.32%	1.10
CTG	2.63%	0.90
BID	1.37%	0.76
STB	4.48%	0.61
HVN	8.33%	0.61
MWG	3.75%	0.57
MBB	2.54%	0.57
Tổng		10.73

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VCB	-4.86%	-6.04
VIC	-2.80%	-1.43
NVL	-2.68%	-0.20
BCM	-0.74%	-0.16
GAS	-0.31%	-0.14
VJC	-0.84%	-0.11
KDC	-1.55%	-0.07
PGV	-0.78%	-0.06
SVC	-7.75%	-0.05
VPI	-0.95%	-0.03
Tổng		-8.28

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	449.50	1.40
FUEVFN	179.97	
VCI	102.99	
STB	102.54	25.34
FRT	101.33	30.39
SHS	91.15	5.91
HDG	65.32	22.02
DXG	49.50	18.59
FUEKIVFS	49.42	
SSI	48.77	#N/A N/A
Tổng	1,240.50	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VHM	-527.59	24.45
NVL	-377.20	5.07
VNM	-310.70	54.69
VCB	-179.24	23.59
TPB	-158.19	30.00
VPB	-157.93	17.34
VRE	-97.27	33.22
BIC	-91.34	47.44
NLG	-91.30	44.25
BID	-90.39	17.25
Tổng	-2081.16	

Vận động cổ phiếu VN30			
VHM	104.558	102.7962	24.02%
VIB	103.0096	100.0944	15.68%
BVH	93.15077	96.70882	-10.61%
FPT	100.5564	100.042	7.50%
PDR	106.1452	121.0187	42.02%
TPB	107.7937	100.1189	19.08%
MBB	101.9252	101.0423	17.73%
TCB	105.0639	100.8123	23.19%
GVR	106.9337	102.3838	24.48%
SSI	110.2293	100.8088	32.55%
NVL	98.34244	130.5753	36.45%
VIC	93.96477	100.6314	-0.95%
MWG	94.01647	102.7859	9.09%
POW	105.1267	97.83028	7.00%
KDH	105.1944	99.95506	18.02%
PLX	102.0163	96.60778	9.51%
HPG	104.8466	98.60002	12.81%
ACB	101.3132	98.56871	6.82%
VCB	103.5499	99.3851	12.92%
HDB	104.5298	98.12601	10.48%
VPB	101.7006	96.05083	0.52%
STB	105.725	97.59535	15.16%
VJC	92.4771	98.00399	-5.60%
VNM	90.97003	97.47184	-11.56%
VRE	96.29923	96.80477	-7.29%
BID	99.63971	95.65389	-5.75%
CTG	97.84797	96.96091	-0.53%
SAB	91.27461	96.16971	-14.93%
MSN	86.64426	99.56977	-4.97%
GAS	91.62624	98.63954	-8.94%



Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

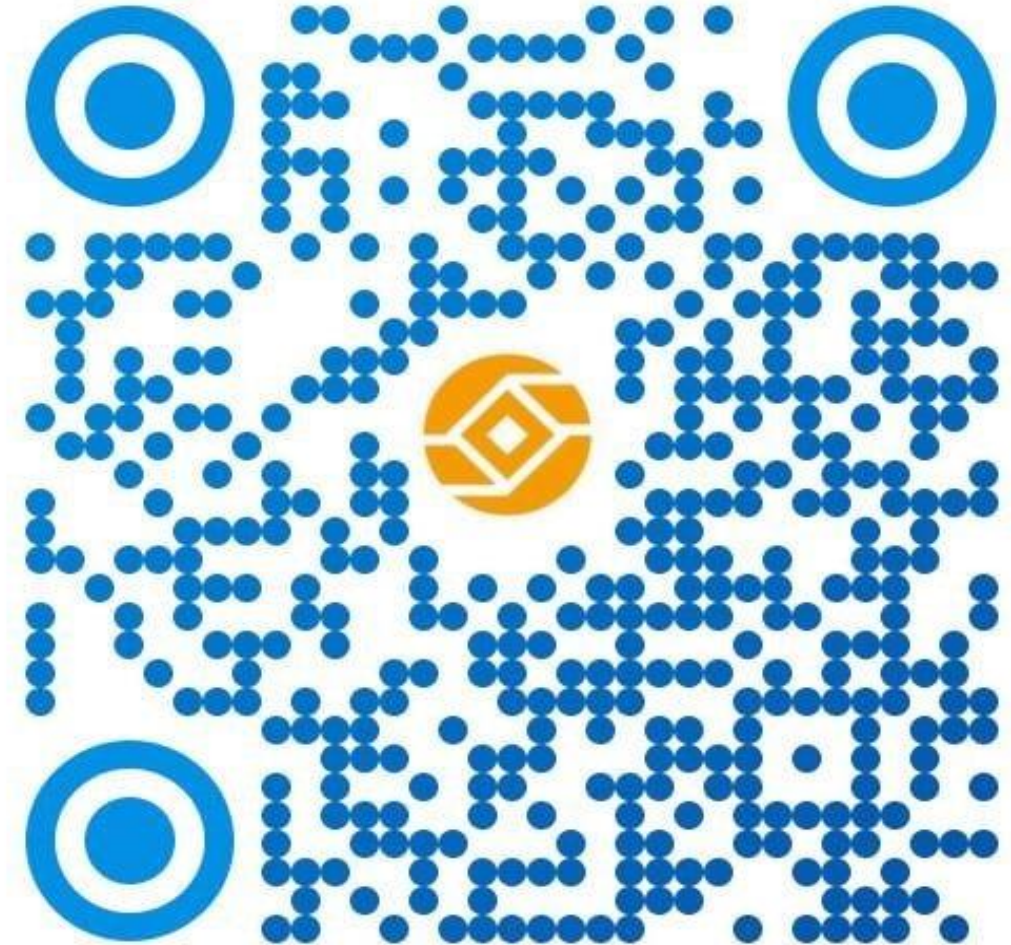
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký